

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-11-2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung
Ông Hoàng Hữu Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1062/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974

Địa chỉ: tổ 20, ấp X, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Đàm Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: tổ 20, ấp X, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(*Đương có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà T tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã Đà Sơn, huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/GKS ngày 30/9/2004.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rất nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai bên có những bất đồng mà không thể giải quyết được, chúng tôi đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với bà T, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Tôi và bà T có 03 con chung là Nguyễn Trần T1 – sinh ngày 17/8/2005, Nguyễn Trần T2 – sinh ngày 14/6/2009, Nguyễn Trần C1 – sinh ngày 12/02/2012. Từ khi tôi và bà T ly thân đến nay tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, nguyện vọng của các con cũng muốn ở với tôi; nên ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/01 con chung, tổng cộng là 3.000.000đ/tháng/03 con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đàm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc tôi và ông C tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tôi thống nhất như ông C trình bày.

Tôi xác định thời gian gần đây vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn rất nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai bên có những mâu thuẫn, bất đồng mà không thể giải quyết được. Chúng tôi đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Tuy nhiên tôi vẫn còn tình cảm và yêu thương ông C, nên tôi không đồng ý ly hôn với ông C.

Tại phiên tòa bà T đồng ý ly hôn với ông C.

- Về con chung: Tôi và ông C có 03 con chung là Nguyễn Trần T1 – sinh ngày 17/8/2005, Nguyễn Trần T2 – sinh ngày 14/6/2009, Nguyễn Trần C1 – sinh ngày 12/02/2012. Từ khi tôi và ông C ly thân, đến nay ông C là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì theo nguyện vọng của các con, tôi đồng ý giao cả 03 con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay tôi đang công ty gỗ, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Chiến được ly hôn với bà Đàm Thị T.

+ Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Trần T1 – sinh ngày 17/8/2005, Nguyễn Trần T2 – sinh ngày 14/6/2009, Nguyễn Trần C1 – sinh ngày 12/02/2012 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đàm Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung; tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng/03 con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Ông C phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Bà T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Đàm Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã Đà Sơn, huyện Đ, tỉnh Nghệ An giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2004 ngày 30/9/2004. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn C và bà Đàm Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn ông C khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa ông và bà T là trầm trọng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rất nghiêm trọng trong cuộc sống; hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Bị đơn bà T thừa nhận tình trạng hôn nhân của hai người theo như ông C trình bày đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bà T không đồng ý ly hôn với ông C; tuy nhiên bà T không đưa ra được phương hướng nào để vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa bà T đồng ý ly hôn với ông C.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai người đều có nguyện vọng ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc xin ly hôn với bà Đàm Thị T.

[3.2] Về con chung:

Ông C và bà T có 03 con chung là Nguyễn Trần T1 – sinh ngày 17/8/2005, Nguyễn Trần T2 – sinh ngày 14/6/2009, Nguyễn Trần C1 – sinh ngày 12/02/2012.

Ông C và bà T đã có ý kiến thống nhất trường hợp ly hôn ông C sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; 03 con chung cũng đều có nguyện vọng được ở với ông C. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông C; giao 03 con chung Nguyễn Trần T1 – sinh ngày 17/8/2005, Nguyễn Trần T2 – sinh ngày 14/6/2009, Nguyễn Trần C1 – sinh ngày 12/02/2012 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi chung 1.000.000 đồng/01 con chung/tháng, tổng cộng là 3.000.000 đồng/03/con chung/ tháng. Bà T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, mức yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông C là tương đối thấp, chỉ đáp ứng được phần nhỏ nhu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong khi mức thu thập hàng tháng của bà T theo bà T khai là khoảng 7.000.000 đồng, là đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của ông C. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, buộc bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/01 con chung/tháng, tổng cộng là 3.000.000 đồng/03/con chung/tháng.

[3.3] Về tài sản chung:

Đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Ông C, bà T xác định không có nợ chung, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Tâm phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Đàm Thị T.

2. Về con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Trần T1 – sinh ngày 17/8/2005, Nguyễn Trần T2 – sinh ngày 14/6/2009, Nguyễn Trần C1 – sinh ngày 12/02/2012 cho

ông Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng; bà Đàm Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đàm Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 con chung/tháng, tổng cộng là 3.000.000 đồng/03/con chung/tháng.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông C đã nộp, theo Biên lai thu số 0005172 ngày 09/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí ông C phải chịu. Ông C đã nộp xong.

Bà Đàm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

